TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2018/DS-ST
Ngày: 18-10-2018
V/v tranh chấp hợp đồng gia công

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vương Thị Vui;

2. Ông Nguyễn Tấn Hưng.

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Phạm Ngọc Tuyền - Thư ký Toà án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm Sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Quang Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 108/2018/TLST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2018/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2018 về việc "tranh chấp hợp đồng gia công", giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hồng Đ, sinh năm 1979. Địa chỉ: Tổ 3, khu phố 1, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Hồng Đ: Ông Lê Minh L, sinh năm 1984. Địa chỉ: 463A Quốc Lộ 13, tổ 13, khu phố 2, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 28/3/2018). Có mặt.

- Bị đơn: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1965. Địa chỉ: Tổ 2, ấp B1, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Trần Văn N, sinh năm 1956. Địa chỉ: Ấp B1, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp B1, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3. Ông Ngô Văn N1, sinh năm 1961. Địa chỉ: Ấp B1, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1962. Địa chỉ: Ấp B1, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

5. Bà Lìu Phương H1, sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp B1, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

6. Bà Võ Thị Mộng T, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp B1, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 23/3/2018, qua quá trình hòa giải và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn ông L trình bày:

Vào ngày 15/7/2017, ông Đ có nhận thi công lắp đặt cửa nhà theo yêu cầu của ông H với số lượng là 36m^2, đơn giá là 1.000.000 đồng/m^2 (bao gồm vật tư và nhân công). Tổng thành tiền là 36.000.000 đồng. Hai bên chỉ thỏa thuận miệng không lập hợp đồng. Ông Đ thi công trong thời hạn 14 ngày, tức là ngày 29/7/2017 thì hoàn thành công việc. Sau khi làm xong, ông H nói với ông Đ đang kẹt tiền mua vật tư xây nhà, cho ông H thời hạn 10 ngày sau sẽ trả đủ tiền cho ông Đ. Do ông H không trả tiền nên ngày 06/3/2018 ông Đ yêu cầu giải quyết tại ấp B1 và đã được ban lãnh đạo ấp B1 tổ chức hòa giải tranh chấp giữa hai bên. Tại buổi hòa giải ban lãnh đạo ấp B1 có ghi ý kiến của ông Đ như sau: "ông H có trả cho tôi là 02 lần, tổng cộng 20.000.000 (hai mươi triệu đồng chẵn). Nhưng còn 16.000.000 (mười sáu triệu đồng chẵn) – yêu cầu ông Phạm Văn H trả cho tôi 16.000.000 đồng còn lại như trên hợp đồng lúc ban đầu" là không đúng. Khi đó, ông Đ đọc biên bản thấy không đúng ý kiến của mình trình bày nên phần ký biên bản ông Đ có ghi chú thích là " biên bản ghi không đúng ý tôi ông H chưa trả tiền cho tôi số tiền 36 triệu". Qua biên bản hòa giải tại ấp B1 cho thấy ông H có thiếu tiền công lắp đặt cửa sắt của ông Đ là 36.000.000 đồng nhưng ông H không chịu thanh toán. Việc Tòa án đi xác minh tổ hòa giải mà tổ hòa giải cho rằng khi lập biên bản hòa giải ông Đ không đồng ý ký tên, sau đó tổ hòa giải đưa bản chính biên bản hòa giải cho ông Đ và ông Đ tự ghi ý kiến là không đúng là vì khi đó tổ hòa giải ghi không đúng ý kiến của ông Đ nên ông Đ mới ghi ý kiến của ông Đ bên dưới và ký tên. Việc này ông Đ cũng đã gửi đơn yêu cầu tổ hòa giải ấp B1 giải quyết cũng với nội dung là yêu cầu ông H thanh toán số tiền 36.000.000 đồng. Nay, ông L đại diện ông Đ yêu cầu ông H thanh toán số tiền 36.000.000 đồng.

- Tại bản tự khai ngày 26/7/2018, qua quá trình hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Phạm Văn H trình bày:

Vào ngày 15/7/2017, ông H có thuê ông Đ thi công lắp đặt cửa nhà ông H với số lượng là 36m^2, đơn giá là 1.000.000 đồng/m^2 (bao gồm vật tư và nhân công). Tổng thành tiền là 36.000.000 đồng. Hai bên chỉ thỏa thuận miệng không lập hợp đồng. Ông H đã thanh toán cho ông Đ số tiền 20.000.000 đồng, số tiền

16.000.000 đồng ông H chưa thanh toán cho ông Đ. Sự việc này cũng đã được tổ hòa giải ấp B1 ghi nhận ý kiến của ông H, tổ hòa giải ấp B1 có yêu cầu ông Đ ký tên vào biên bản nhưng ông Đ yêu cầu tổ hòa giải đưa bản chính cho ông Đ giữ. Sau đó, tổ hòa giải đưa bản chính biên bản hòa giải cho ông Đ và ông Đ đem biên bản hòa giải về nhà và đã tự ghi ý kiến của ông Đ vào biên bản hòa giải. Nay, ông Đ dựa vào nội dung viết thêm của ông Đ để khởi kiện ông Hoàng là không đúng. Việc ông H yêu cầu ông Đ lắp ráp cửa cho ông H nhưng do ông Đ làm sai quy cách lắp đặt cửa dẫn đến cửa nhà ông H bị hư nên ông H đã yêu cầu ông Đ sửa chữa nhưng ông Đ không thực hiện. Do đó, ông H có nhờ người khác sửa chữa lại cửa sắt mà ông Đ đã lắp đặt với tổng số tiền công sửa chữa là 9.000.000 đồng, như vậy số tiền thực tế ông H còn nợ ông Đ chỉ là 7.000.000 đồng. Nay, với yêu cầu khởi kiện của ông Đ thì ông H chỉ đồng ý thanh toán cho ông Đ số tiền 7.000.000 đồng.

- *Tại bản tự khai ngày 26/7/2018 người làm chứng bà Liều Phương H1 trình bày*: Ông H có nhờ bà H1 sửa chữa, thay thế móc gió, chốt cửa, sơn và sửa cửa với tổng số tiền công là 2.450.000 đồng do ông Nguyễn Hồng Đ làm cửa cho ông H sai quy cách.

- *Tại bản tự khai ngày 28/5/2018 người làm chứng bà Võ Thị Mộng T trình bày*: Ông H có nhờ bà T sửa chữa, thay thế khung bao cửa, nẹp chân kiếng, sơn tĩnh điện, thay 02 khóa cửa với tổng số tiền công là 6.500.000 đồng do ông Nguyễn Hồng Đ làm cửa cho ông H sai quy cách.

- *Tại biên bản xác minh ngày 12/7/2018 người làm chứng ông Nguyễn Văn L1, Trần Văn N, Ngô Văn N1, Nguyễn Văn P cùng trình bày*: Vào ngày 06/3/2018 tổ hòa giải ấp B1, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương có nhận được đơn yêu cầu hòa giải của ông Nguyễn Hồng Đ đối với ông Nguyễn Văn H về việc tranh chấp số tiền công làm cửa sắt là 36.000.000 đồng. Do đó, tổ hòa giải thành lập tổ hòa giải và lập biên bản hòa giải thì ông Đ và ông H trình bày ý kiến. Sau đó tổ hòa giải ghi nhận ý kiến của các bên vào biên bản hòa giải ngày 06/3/2016. Ông H và ông Đ đã tự đọc lại biên bản hòa giải, ông H ký tên vào biên bản, còn ông Đ không đồng ý ký tên nên tổ hòa giải đã đưa bản chính biên bản hòa giải cho ông Đ giữ. Khi ông Đ giữ biên bản hòa giải bản chính thì tổ hòa giải không ghi nội dung là "biên bản ghi không đúng ý tôi ông Hoàng chưa trả tiền cho tôi số tiền 36.000.000 đồng" mà nội dung này ông Đ tự ý ghi vào biên bản.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng tham gia phiên tòa có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự trong suốt quá trình tố tụng là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ đối với số tiền 16.000.000 đồng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự (gia công) theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hiện bị đơn đang cư trú tại xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông H thanh toán số tiền công lắp đặt cửa sắt là 36.000.000 đồng. Chứng cứ mà nguyên đơn khởi kiện là biên bản hòa giải ngày 06/3/2016 của ấp B1, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Hội đồng xét xử xét thấy: Theo nội dung biên bản hòa giải ngày 06/3/2016 của ấp B1 thì ông H trước đây có thuê ông Đ làm cửa sắt và còn thiếu tiền công là 36.000.000 đồng, nhưng ông H đã trả cho ông Đ 02 lần tổng cộng là 20.000.000 đồng, số tiền thực tế ông H còn thiếu ông Đ là 16.000.000 đồng thì ông H chưa thanh toán cho ông Đ. Đối với nội dung "biên bản ghi không đúng ý tôi ông H chưa trả tiền cho tôi số tiền 36.000.000 đồng" trong biên bản hòa giải của ấp B1 thì sau khi ông Đ giữ bản chính biên bản hòa giải thì ông Đ đã tự ý ghi thêm vào mà không đúng như lời trình bày của ông Đ tại buổi hòa giải của ấp B1, xã T, điều này phù hợp với các biên bản xác minh của Tòa án đối với ban hòa giải ấp B1, xã T.

Đại diện nguyên đơn ông L cho rằng ý kiến của ông Đ trong biên bản hòa giải không đúng ý kiến của ông Đ nên ông Đ không đồng ý ký tên vào biên bản mà sau đó mới ghi ý kiến vào biên bản hòa giải là không phù hợp với sự việc diễn ra theo biên bản hòa giải ấp B1. Do đó, lời trình bày của ông L là không có căn cứ.

[3] Đối với ý kiến của ông H về việc nhờ bà H1 và bà T để sửa chữa lại cửa sắt do ông Đ không làm đúng quy cách thì Hội đồng xét xử thấy rằng việc ông H và ông Đ ký kết hợp đồng làm cửa sắt bằng hình thức là hợp đồng miệng với nhau mà không lập thành văn bản nên không có cơ sở để xem xét việc ông Đ có làm cửa sắt cho ông H là có đúng kiểu cách hay không. Do đó, ông H cho rằng việc khấu trừ số tiền do bà H1 và bà T sửa lại cửa sắt là không có căn cứ. Như vậy, có căn cứ thấy rằng hiện nay ông H còn thiếu tiền công do ông Đ làm cửa sắt với số tiền là 16.000.000 đồng.

Do đó, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hồng Đ đối với bị đơn ông Phạm Văn H về việc tranh chấp hợp đồng gia công theo quy định tại Điều 542, 544, 546, 552 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Buộc ông H phải có nghĩa vụ trả cho ông Đ số tiền công còn thiếu là 16.000.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của ông Đ buộc ông H trả tiền công với số tiền 20.000.000 đồng.

Quan điểm về nội dung vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 229, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 542, 544, 546, 552 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hồng Đ đối với bị đơn ông Phạm Văn H về việc "tranh chấp hợp đồng gia công".

- Buộc ông Phạm Văn H có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Hồng Đ số tiền 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hồng Đ đối với ông Phạm Văn H về việc "tranh chấp hợp đồng gia công" đối với số tiền 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Phạm Văn H phải nộp số tiền 800.000 đồng (tám trăm ngàn đồng).

- Buộc ông Nguyễn Hồng Đ phải nộp số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 900.000 đồng (chín trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà ông Đ đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0011624 vào ngày 10 tháng 4 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương. Ông Nguyễn Hồng Đ còn phải nộp thêm số tiền 100.000 đồng (một trăm ngàn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (18/10/2018).

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHADS huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Quang Tuấn